

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 01 - 2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Quang;

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị Mỹ N**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B H, thị trấn B Đ, huyện B Đ, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2022

2. *Bị đơn:* **Ngô T T**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B H, thị trấn B Đ, huyện B Đ, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/12/2021

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày:*

Bà và ông T cưới nhau vào năm 1998 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 17/10/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình

chung sống có hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 và Ngô T T, sinh ngày 16/6/2010. Cháu T hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà N yêu cầu ông T nuôi cháu T và bà không cấp dưỡng.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 13 tháng 12 năm 2021, bị đơn ông Ngô T T trình bày như sau:*

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Mỹ N

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 và Ngô T T, sinh ngày 16/6/2010. Cháu T hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, ông yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu bà N cấp dưỡng

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa nhưng cũng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ N đối với ông Ngô T T.

Về con chung: Con chung Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 hiện nay đã trưởng thành nên không xét đến, ông T được nuôi con chung Ngô T T, sinh ngày

16/6/2010. Ghi nhận sự tự nguyện ông T nuôi con chung không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2022 và bị đơn ông Ngô T T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/12/2021 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ N và ông Ngô T T kết hôn vào năm 1998, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào năm 2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ tháng 02/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 và Ngô T T, sinh ngày 16/6/2010. Cháu T hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà N yêu cầu ông T nuôi cháu T và bà không cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Con chung tên Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 đã thành niên và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Con chung tên Ngô T T, sinh ngày 16/6/2010 hiện nay đang sống chung với ông T, ông T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu T cũng có nguyện vọng sống chung với ông T cũng như ông T cũng có nguyện vọng nuôi cháu T. Do đó, nhằm ổn định về tinh thần của con chung ông bà nên để ông T tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông T. Ghi nhận sự tự nguyện ông T nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về T sản chung*: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] *Về nợ chung*: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6]. *Về án phí* : Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ N và ông Ngô T T.

[2]. Về con chung:

+ Con chung Ngô Minh T, sinh ngày 22/3/2003 đã thành niên nên không xét đến.

+ Ông Ngô T T được tiếp tục nuôi con chung tên Ngô T T, sinh ngày 16/6/2010. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T.

Bà N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về T sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000210 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy bà Trần Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị Mỹ N, ông Ngô T T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND thị trấn Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu

CC HỘI THẨM NHẬN D

THẨM PHN – CHỦ TOẠ PHIN TỒ

Bi Tuấn Khanh - Đặng Hoàng Mích

Nguyễn Thị Lựu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phặng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND thị trấn Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHN – CHỦ TỌA PHIN TỊA**

Nguyễn Thị Lựu

CC HỘI THẨM NHẬN D

THẨM PHN – CHỦ TOẠ PHIN TỒ

Bi Tuấn Khanh - Đặng Hoàng Mích

Nguyễn Thị Lự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND x Định Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

CC HỘI THẨM NHN DN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHN – CHỦ TỌA PHIN TỊA**

Nguyễn Thị Lựu

THẨM PHN – CHỦ TỌA PHIN TỒ

Nguyễn Ngọc Sơn - Đặng Hoàng Mích

Nguyễn Thị Lựu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND x Chu Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHİN TỊA**

Nguyễn Thị Lựu

